

NGUYỄN VĂN XUNG

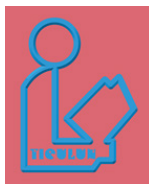
PHẠM THÁI
Một bộ diện đặc biệt
trong văn học
cuối Lê - đầu Nguyễn



VĂN số 167
01-12-1970

Phạm Thái
một bộ diện đặc biệt
trong văn học
cuối Lê – đầu Nguyễn

NGUYỄN VĂN XUNG



Paris * 02.2025

Bìa: *M. C. P*
Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

Phạm Thái
một bộ diện đặc biệt
trong văn học
cuối Lê – đầu Nguyễn

NGUYỄN VĂN XUNG

Tập san **VĂN**
số 167 * 01.12.1970

Văn học cuối Lê – đầu Nguyễn chứng kiến vóc dáng lạ thường của một thanh niên nho sĩ đã sống rất cần mẫn và đầy đủ cuộc đời của mình. Ông đã có những say mê cao cả : vừa mê mộng lớn vừa mê người đẹp, say hồ hải cũng như say thơ ; là tráng sĩ mà mặc áo thiền sư để rồi lại tự do uống rượu và nắn nót viết thư tình. Ông đã vừa làm lịch sử vừa làm văn chương bằng cách biến tự truyện của mình thành thơ và tiểu thuyết. Con người đó là Phạm Thái, tức Phạm Phụng, hõn danh là Chiêu Lý¹.

1 Ghi chú này, xin xem nơi cuối bài

1. Phạm Thái, hiện thân của những đam mê cao cả

Say mê là đặc tính của những người có tâm hồn cao cả với những khát vọng lớn lao, những hoài bão to rộng, và khi đã quyết dẫn mình vào một công việc, thì đem hết tâm lực ra dâng hiến cho công cuộc mình đang theo đuổi. Phạm Thái là một Trong những tâm hồn cao cả đó : Ông đã say mê giấc mộng anh hùng của thời đại cũng như say mê tình ái và say mê giang hồ.

Sau hết, để quên lãng bao nhiêu tuyệt vọng u uất gây ra bởi ba cái say mê kể trên, ông đã đắm chìm quăng đời vô nghĩa còn lại của ông trong men rượu. Như vậy, ta có thể bảo rằng rượu là sự say mê cùng chót của cuộc đời ngắn ngủi mà nhiều bất hạnh của ông.

1. PHẠM THÁI SAY MÊ GIẤC MỘNG ANH HÙNG CỦA THỜI ĐẠI :

Phạm Thái ra đời đúng hai thế kỷ rưỡi sau khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê (1527) gây nên cuộc chiến tranh tương tàn kéo dài ngót ba trăm năm. Trong thời gian đó, bao nhiêu bậc anh hùng đã có môi trường để xuất hiện, bao nhiêu nghĩa sĩ đã có cơ hội để lập công; từ một Nguyễn Kim trung hưng nhà Lê, một Trịnh Kiểm khai sáng sự nghiệp cho họ Trịnh ở đất Bắc cũng như Nguyễn Hoàng cho họ Nguyễn ở phương Nam, cho đến bao nhiêu kẻ lục lâm giang hồ khác, mỗi người cát cứ một địa phương mưu đồ nghiệp lớn mỗi khi chính quyền trung ương suy yếu hoặc thất thủ kinh đô, như Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyên, Nguyễn Hữu Cầu,

Nguyễn Danh Phương, Hoàng Công Chất... Thậm chí có người như Đào Duy Từ vì dòng dõi xướng ca nên không được phép tiến thân, phải vượt núi băng ngàn vào Nam giúp chúa Nguyễn gây dựng cơ đồ, đắp nên Định Bắc Trường Thành, lưu danh hậu thế. Gần nhất, có tấm gương chói sáng bậc anh hùng Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh, dự trù kế hoạch xâm chiếm Trung hoa, thu hồi lương Quảng. Phạm Thái lớn trong cái bầu không khí bùng bùng nghĩa dũng đỏ. Ông vốn là dòng dõi thần tử Lê triều, nên đã hăng hái đứng lên thực hiện giấc mộng Cần vương. Ông đã bỏ cả tuổi hoa niên để theo đuổi sự nghiệp Hưng Lê; và đã trở nên một đảng viên trọng yếu của đảng Lê Thần, kế tục công cuộc chống Tây Sơn của phụ thân và các bậc tiền bối ; Phạm Đình Đạt, Dương Đình Tuấn, Trần Quang Châu... cho đến khi Nguyễn Ánh

hoàn toàn tiêu diệt nhà Tây Sơn, thống nhất đất nước. Chúng ta chỉ cần đọc mấy câu thơ hiên ngang và ngạo nghễ sau đây trong “Sơ Kính Tân Trang” là đủ thấy cái hùng khí bất khuất của người thanh niên tráng sĩ, cùng cái say mê sự nghiệp anh hào của Phạm Thái :

*Cầm gan tóc dựng đứng lên,
Tuốt gươm chém án ngâm thiên ca
rằng :
Làm trai cho thỏa chí trai,
Trong trần ai chớ lụy ai tâm thường.
Bốn phương hồ thỉ dậy vang,
Nhảy từng đào lãng, bắc thang vân cù.
Tu mi tỏ mặt trượng phu,
Dem trung hiếu để trả thù non sông.*

*Anh hùng ấy mới anh hùng,
Thân nhân há sá học đồng thiếu niên.*

Cũng như ông đã từng ca ngợi cái chí oanh liệt của phụ thân ông, cho dù đã thất bại:

*Phạm công ra sức Cần vương,
Giang sơn một gánh, cang thường hai
vai.*

*Chí toan thay đổi cuộc đời,
Lòng trời là thế, dễ người cho xong !*
và lòng trung nghĩa của Trương công,
thân phụ Trương Quỳnh Như :

*Trương công gặp lúc gian truân,
Một niềm ái quốc trung quân chẳng dời.
Phù nguy rắp tỏ chí trai,*

Những thì người dễ đem trời lại ra ?

Cũng như khi đề bia mộ Thanh Xuy-
ên Hầu, con trai Trương công, anh ruột
Trương Quỳnh Như, ông viết :

Nặng tìm một gánh giang san,

Nghiến rằng chí sĩ, cầm gan anh hùng.

Bắc viên mây lúc ruổi rong,

*Mua gươm liệt nhật, chuốt đồng nghiêm
sương.*

Ra tay nặng sức Cần vương.

*Cầm giong quyết chí, chống đường tỏ
danh².*

2 Bản bi ký này viết bằng Hán văn, không biết do chính tác giả hay ai dịch lại. Đây là trích theo “Phổ Chiêu Thiên Sư Thi Văn Tập” của Sở Cuồng.

2.- PHẠM THÁI SAY MÊ TÌNH ÁI

Phong trào Cần Lê của ông đang hồi tan rã trước uy lực của nhà Tây Sơn. Trên con đường phiêu du để kết nạp đồng chí, Phạm Thái đã gặp một đối tượng say mê khác: Ái tình. Tâm hồn ông lại có dịp hiến dâng trọn vẹn cho một thần tượng mới, gây nên một khúc quanh quyết định cho văn nghiệp cũng như cuộc đời ông. Mỗi duyên kỳ ngộ giữa tài tử và giai nhân thật đã vô cùng thơ mộng. Giai nhân là người tài tình gồm đủ còn tài tử là một công tử vừa là tráng sĩ vừa là thi nhân. Cuộc gặp gỡ lại ra đúng vào lúc Phạm Thái đương hồi lỡ vận, việc lớn không thành, đồng chí tán mác người một nơi, những người có đôi chút tiếng tăm là nghĩa khí thì toàn là hạng vô dụng tầm thường chỉ biết có cầu an và hưởng lạc. Tình thế khó khăn, cơ trời khôn chuyển, ông bèn đắm

hồn vào thế giới gấm hoa của tình ái để mong tìm một chút ngòi ngoai. Chắc hẳn không phải là ông không còn chút chí khí nào nữa trong việc mưu đồ việc lớn ; trước sắc đẹp của nàng, ông tự nhủ lòng hãy tạm :

Xếp nghề vũ lại để bên trường tình

Nhưng bản chất say mê, Phạm Thái đã dâng hết tâm hồn mình cho người đẹp, không một chút đắn đo, gìn giữ :

Kể từ ngày tha hương gặp gỡ

Chữ chung tình để nợ cho nhau

Ái ân mấy nối xưa sau

Lời vàng đá ấy, dễ hầu đơn sai.

Mối tình ngày càng trở nên sâu đậm, khôn nở dứt rời. Nhưng vì muốn bảo vệ gia phong cho người thiếu nữ, vả lại

tự nghĩ không có quyền bỏ dở chí trai, cho nên ông phải đành lòng giã từ mái nhà ân ái để lại dấn thân vào kiếp sống phiêu bồng nhiều nguy hiểm.

Trong khi đó, thì mẫu thân nàng lại ép duyên nàng với người khác. Không muốn phụ mối tình cao đẹp của người thi nhân tráng sĩ, Quỳnh Như đã không ngần ngại tự hủy đời mình. Đau đớn cho ông biết bao nhiêu khi được tin sét đánh :

“Ta hăm hờ chí trai hồ thỉ, bởi đợi tình cho nấn nả nhân duyên ;

Nàng long đong phận gái liễu bồ, vì giận phận hóa ngang tàng tinh mệnh.”

Một lần nữa tâm hồn say mê của ông lại nếm trải thêm một niềm thất vọng chua xót. Lần này, nỗi thất vọng cơ hồ đã trở nên tuyệt vọng. Bài văn khóc Trương

Quỳnh Như và hai bài thơ Đường luật
điều nàng là những tiếng kêu thương bi
thiết và chân thành, là hiện thân của nỗi
khổ đau nóng sốt, không hề vướng gợn
một chút kỹ thuật văn chương :

“Nường tử ơi !

Căn chướng ấy bởi vì đâu ? Oan thác
ấy bởi vì đâu ?

Cho đến nỗi :

Xuân tàn hoa nộ, thu lẫn trăng rằm

Lại có điều đau đớn thế !

Nhà huyền vì có năm có bảy, mà
riêng một mình nàng đeo phận bạc, thì
lửa nguội ước vơi còn có lẽ.

Thương hại thay :

Hoa có một cành, tuyết có một

quăng; trăng có một vành, mây có một đoá. Thân là thân hiếm hoi đường ấy, nữ nào lấy đôi mươi làm một kiếp, mà ngơm ngớp chốn non Bồng nước Nhược, đỉnh gì không đoái cảnh phù sinh!

Ví dù kiếp tiên mà thù với tục, thì xưa kia vâng lệnh xuống trần chi ? Nay đã nguyện thân nầy cho vẹn kiếp, thì cũng trọn ba vạn sáu ngàn ngày cho đủ lệ : nọ xuân huyện, kia phu tử ; góp với trần gian không chút bận, rồi sẽ rong chơi chín tuổi, có gì riêng bỗng vội vàng chi ?

Ôi !

Chữ mệnh hẹp hòi, chữ duyên sống sã

Những như thân giá ấy, ngược xuôi kia cũng ngậm ngùi cho.

Huống ta cùng nường tử, tuy chẳng thân kia thích nợ, nhưng tình duyên là chùng ấy, cũng là một chút cương thường.

Dẫu rằng kẻ đẩy người đây, song ân ái bấy lâu nay, đã bao nhiêu tâm sự ?

.

Trời xanh cao thăm mấy từng khơi,

Nỡ để duyên ai luống thiệt thòi

Buồn đốt lò vàng, hương nhạt khói

Sầu châm chén ngọc, rượu chìm hơi

Lầu tây nguyệt gác, mây lồng bóng

Ai bắc hồng bay, bể tuyệt vời

Một mối chung tình tan mấy mảnh

Suối vàng ai nhảu hộ đôi lời !

Oanh ru bên trướng giấc hoa nồng

Say tỉnh hồn ai nhớ lại mong

Non nước mơ màng hồn khách lữ

Mây mưa phảng phất đỉnh Vu-phong

Quyên về viễn phố, hoa rầu rĩ

*Nhạn tếch Hành dương, nguyệt nảo
nùng*

Đàn tiếng ly loan tay ngại gảy

Mối sầu ai gỡ hộ cho xong ?

Mối sầu đó, thời gian sau này dù có làm cho phần nào khuây nguôi, nhưng vẫn còn để lại một nỗi niềm nhớ nhung triền miên vương vấn :

*Đưa lời cho tới cung mây,
Sầu này xin gửi cho đây với cùng
Túi tơ hồng trách ai xe mối
Đến nửa chừng bỗng nói dần ra
Căm vì một ả trăng già
Trêu người chi mãi chẳng tha thể này!*

3.- PHẠM THÁI SAY MÊ GIANG HỒ.

Không những chỉ là một tráng sĩ say mê nghiệp lớn một thi sĩ si tình, Phạm Thái còn là một gã lãng tử đã từng mê giấc mơ hồ hải. Gót chân phiêu du của ông đã từng để dấu ở hầu khắp các tỉnh miền Thượng du và Trung du Bắc Việt, ở các biên trấn xa xôi như Lạng Sơn ở Tây

Bắc và Thanh Hóa Bắc Trung-phần nữa :

Trải qua Dục thúy, Thần phù

Kìa cung Dáng hạc, nọ chùa Ngự-loan

Sáng Bích động, tối Tràng an

Có đền Nhị đế, có hang Cửu tầng.

Lên Kỳ Lão, xuống dần dần

*Nghe đồn Hương tích lắm phần thanh
cao.*

Từ đền Hùng Vương non cao, từ vùng Quỳnh Lâm xa tít, đến non cùng Yên Tử, tới động Thành Công chông chênh v.v., không nơi nào là không có dấu chân ông.

“Thôi đường bộ lại ra khơi”, Phạm Thái cũng đã từng “thảnh thơi giang hồ” nhiều phen trên sóng nước :

Đây là cảnh bể Đồ Sơn với :

*Thuyền câu chống mái thuyền giồng
ca về*

Đùn đùn khói núi phủ che...

Kìa là bến “Vạn Ninh mù mù”, với
tàu bè “mành đã chen vai”. Người ta rất
vui sướng mà hình dung con người thi
nhân lãng tử là Phạm Thái mang theo
cùng với tay nải hành trang gọn nhẹ một
ít tâm tư chí sĩ và rất nhiều tâm tình nghệ
sĩ :

Trải qua khắp hết non sông

Đến đâu cảnh trí, ấy vùng phong lưu

Cầm vui thú, họa say màu

Mười bài thơ Lã, một bầu rượu Tô.

Cũng như dáng vẻ tiên phong đạo

cốt của Thụy Châu khi cải dạng làm đạo sĩ để tiêu dao tháng ngày:

Mấy miền non thăm, mấy vùng sông khơi

Thích tình ngoạn thưởng qua chơi,

Mấy miền cảnh thú, ấy nơi ngâm bình.

Với những cảnh thú tuyệt vời :

Ca chim đàn suối phách rừng

Chiếu mây rải đá, đèn trăng treo tùng

Và với những cảnh tượng muôn màu
đổi thay của non nước:

Thênh thênh thuyền bách nhẹ nhàng

Nước xanh lần chở, gió vàng thẳng đưa

Kìa đâu chiều sớm chợ trưa,

Chày boong boong nện, khói mờ mờ bay.

Kìa đâu đoàn nguyệt am mây,

Cô giông chỉ thăm, chị lay đoá vàng.

Kìa đâu bãi gió ngàn sương,

Cây pha tuyết bạc, địch đàn cỏ xanh,

Kìa đâu hoa phố liễu doanh,

Tiếng vang công cổ, vẻ kinh thể thần.

Trên những nẻo đường phiêu bồng
mây nước đó, thỉnh thoảng khách giang
hồ lũ thú cũng may mắn gặp người đồng
điệu mà hình ảnh đã được tác giả ghi lại
bằng những nét bút thật là bất ngờ :

Có người nhàn tựa cô chu

Nghĩ tình cũng khách giang hồ qua chơi

Cuộc đời giang hồ tuy có đem lại

nhiều kỳ thú, nhưng không tránh khỏi những cảnh cô đơn buồn bã của người khách lữ trong cái bất định của ngày mai :

Sớm Ngô tối Sở dầu vui vậy,

Rày Tấn mai Tần dễ biết đâu !

Say mê giang hồ, đối với Phạm Thái chỉ là một phương tiện phung phí tất cả cái nguồn sinh lực tràn trề của tâm hồn ông, một tâm hồn quá nhiều hoài bão, thừa mứa huyết tính của người trai thời loạn chưa tìm được đủ chỗ để tiêu thụ cho hết cái chí khí hăng say vùng vẫy của mình.

4.- RƯỢU

Thất vọng trong công cuộc mưu đồ

ngiệp lớn, tuyệt vọng trong tình yêu, cô đơn trong sự lang thang của người gi-gang hồ lãng tử, Phạm Thái chỉ còn biết đi tìm lãng quên trong men rượu. Rượu càng uống nhiều, cái hùng khí của người tráng sĩ càng chìm vào trong tâm tư sâu thẳm, nỗi đau khổ của người si tình tuyệt vọng càng trở nên thiết tha và cô đọng, ông càng trở nên ít nói, lầm lỳ. Bây giờ thì rượu không còn là một thứ để mua vui như thuở thanh xuân, khi còn đối ẩm với Kiến Xuyên Hầu Trương Đăng Quĩ nữa :

Có rượu có thơ xuân có mãi

Trăm năm ba vạn sáu thiếu quang.

Rượu giờ đây đã trở nên một phương tiện cần thiết để giúp ông xóa nhòa bao đau thương sau những tan vỡ của giấc mộng xưa, của mối tình cũ. Sự bết be

bê bối đó có công dụng làm ông nguôi
khuây thế sự và có đủ can đảm sống nốt
quãng đời thừa :

Tranh vờn sơn thủy màu nhem nhuộm

Bầu dốc càn khôn giọng hét be

Miễn được ngày nào cho sướng kiếp

Sống thì nuôi lấy chết chôn đi.

hoặc :

Năm bảy năm nay những loạn ly,

Cũng thì duyên phận cũng thì thì

Ba mươi tuổi lẻ là bao nã ?

Năm sáu đời vua khéo chóng ghê

Mấy tập thơ dày ngâm sáng sáng

Vài be rượu kếp ních tì tì

Chết về tiên bụt cho xong kiếp

Đù ỏa trần gian sống mãi chi ?

Cái giọng thơ chửi đời thô cộc đó
chúng tỏ một tâm trạng chán sống đến
cùng cực.

Nhưng đến bài thơ yết hậu sau đây
mới thật sự là bất cần đời :

Sống ở dương gian đánh chén nhè

Thác về âm phủ cấp kè kè,

Diêm vương phán hỏi rằng : Chi đó ?

– Be !

Rượu là nguồn an ủi cuối cùng cho
cái tâm hồn nghệ sĩ mang nhiều say mê
và gặp toàn thất bại ấy. Có lẽ Khái Hưng
đã có lý khi kết thúc cho truyện dài “Tiêu
Sơn Tráng sĩ” của ông, quyển truyện có

mục đích tiểu thuyết hóa cuộc đời Phạm Thái – ông đã để cho nhân vật chính này của tác phẩm vừa đưa hồ rượu lên môi vừa nói với theo những người khách lạ đi đường :

– Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy một hồ rượu ; chí lớn trong thiên hạ không chứa đầy một đôi mắt mỹ nhân.

II. Tráng sĩ khoác áo thiền sư

Nhà học giả Sở Cuồng Lê Dư quả đã lầm lẫn khi ông mệnh danh thi văn tập của Phạm Thái là “Phổ Chiêu Thiền Sư Thi Văn Tập”. Sự thực, ngoài việc là một thi sĩ lãng mạn và trữ tình, một khách giang hồ đấng tử, Phạm Thái chỉ là một nghĩa sĩ khoác áo thiền sư để dễ bề hoạt động. Triều Tây Sơn đã đặt lệ kiểm tra

dân chúng bằng tín bài, duy các nhà tu hành được miễn, do lệ các triều trước để lại. Đó là lý do duy nhất của việc xuống tóc và mặc áo cà sa của ông. Đành rằng ông phải đóng cho trọn tròn do ông tự sắm, nghĩa là phải tụng kinh gõ mõ và viết ra nhiều bài phả khuyến. Nhưng sự thông tuệ đặc biệt cùng cái học uyên bác của ông đã giúp ông am hiểu mau lẹ các kinh sách nhà Phật, vì thế mà các bài phả khuyến của ông chẳng thua bất cứ một thiền sư chân chính nào đã có nhiều công phu nghiên cứu thiền học. Điều này không lạ : ngay cả các ngành tử vi tướng số ông cũng lâu thông. Chỉ cần đọc qua “Sơ Kính Tân Trang” và nhất là bài “Chiến tụng Tây hồ Phú” là thấy rõ cái học văn uyên bác của ông.

Phạm Thái là một tráng sĩ cố giấu cái hùng khí múa gươm yên ngựa của mình

dưới cái phong thái trì trọng từ bi của kẻ tu hành chân chỉ. Trong “Sơ Kính Tân Trang”, ông đã từng nói đến chí hướng hưng Lê của phụ thân ; cuộc mưu đồ đó đã thất bại cũng như ông sẽ thất bại sau này, nhưng cái ý chí ngạo nghễ, cái tư thế kiêu hùng vẫn còn ngùn ngụt qua nét bút ngang tàng của ông như ta đã thấy ở trước :

Cắm gan tóc dựng đứng lên

Vung gươm chém án ngâm thiên ca rằng

.

Anh hùng ấy mới anh hùng

Thân nhàn há sá học đồng thiếu niên...

Phạm Thái chưa hề là một thiên s
ư: uống rượu và viết thư tình, hai điều
giới cấm rất quan trọng của Phật giáo đó

lại là những cái thú sở trường của ông. Thật vậy, không thể là lời của một thiền sư những câu thơ tha thiết và ủy mị như những câu sau đây :

Ai lên Tử các thanh vân

Hỏi thăm ả Tố kiều xuân thế nào ?

Cầm âm một khúc gởi trao,

Cây lờ gì gió đưa vào xuân cung.

Hãy nghe ông chót nhả giễu cợt một sư nữ trẻ đẹp :

Nam vô có thấu chăng chường

Chẳng cho thành Phật thì nhường để ai ?

Và sau đây là lời trêu ghẹo một ni cô có nhan sắc, giọng điệu đầy vẻ trần tục :

Ồi nao ôi khổ tu hành,

Biết Tây phương có dáng hình này không

Tu cho vẹn kiếp trần hồng

Kẻ già nũa trách nào lòng từ bi

Hoa tàn nước chảy một khi

Bấy giờ chưa hẳn lại thì này đâu.

Phạm Thái trước sau vẫn là một thi sĩ lãng mạn, một tráng sĩ mê say hoạt động, một thanh niên lòng đầy trần nhiệt, nhất quyết không thể là một thiền sư chân chính được.

III. Một tự truyện tiểu thuyết hóa

Viết “Sơ Kính Tân Trang”, Phạm Thái không mượn đề tài trong lịch sử hay trong các truyện Tàu như phần nhiều các tác giả khác. Và có lẽ ông đã không

sáng tác nên quyển tiểu thuyết trữ tình này nếu ông không sống thật sâu đậm những tâm trạng của nhân vật chính trong tác phẩm đó. Nói như thế có nghĩa là Phạm Thái không là một nhà viết tiểu thuyết và ông không cố ý sáng tác trong bộ môn này : “Sơ Kính Tân Trang” chỉ là một thiên hồi kỳ bi thống của một mối tình lớn trong cuộc đời ông, dựa trên bối cảnh thiên nhiên của đất nước, trong thời đại rối ren mà ông đã sống, cùng với những cảnh tượng hoặc bi đát, hoặc khôi hài của xã hội miền Bắc Việt nam dưới triều vua Cảnh Thịnh nhà Tây Sơn. Chất liệu mà ông đã dùng để dựng nên tác phẩm này là chính nỗi đau khổ của tâm hồn ông, là sự thất bại sau cùng và lớn lao nhất trong cuộc đời nhiều hoài bão, nhiều say mê của người thanh niên nhiều huyết tính đó. Phạm Thái là đời khi ông còn rất trẻ, vào lúc mới 37

tuổi. Ông sống trọn tuổi thanh niên của ông trong một giai đoạn lịch sử có rất nhiều chuyện để người thanh niên phải làm. Thế mà trong những năm chót, ông đã tỏ ra chán nản cuộc sống đó biết bao nhiêu :

Chết về tiên bụt cho xong kiếp

Đù ỏa trần gian sống mãi chi ?

Như thế là vì ông đã dâng cả tuổi hoa niên của ông cho một sự nghiệp lớn và cho một mối tình lớn. Ông đã sống thật hào hùng và thật đẹp. Cuộc đời của ông dù cho ngắn ngủi cũng xứng đáng được ông ghi lại, và ông đã viết quyển tiểu thuyết của đời ông trong “Sơ Kính Tân Trang” không phải với thái độ khách quan của nhà viết tiểu thuyết nhiều tưởng tượng, mà với tâm tình của một con người viết hồi ký có lương tâm đã

siêng năng sống lại một lần nữa cái dĩ vãng đau khổ của đời mình.

“Sơ Kính Tân Trang” chỉ là một tự truyện, một tự truyện được tiểu thuyết hóa. Có điều là tiểu thuyết hóa ở đây không đồng nghĩa với “thi vị hóa” : ông không cần phải thi vị hóa cuộc đời ông làm gì, vì tự nó đã có quá đầy đủ những tinh chất thi vị rồi. Ngược lại, ông lại còn cố tình không nói đến cuộc đời hoạt động Cần vương của ông nữa trong tác phẩm này. Đọc lại toàn truyện, người ta chỉ thấy ông nói đến phụ thân ông là Trạch Trung Hầu với bốn câu ngắn ngủi kể lại công cuộc khởi nghĩa đã thất bại trong việc Cần vương như đã dẫn ở trước :

Phạm công ra sức Cần vương

.

Và Trương công, tức Kiến Xuyên Hầu
Trương Đăng Quỹ phụ thân của Trương
Quỳnh Như, cũng từng ấy chữ:

Trương công gặp lúc gian truân

Một niềm ái quốc trung quân chẳng dời

.

Riêng về phần ông, ông chỉ mô tả
chí hướng của ông trong những vần thơ
đậm nét ở đầu truyện, như đã từng dẫn :

Cầm gan tóc dựng đứng lên,

Tuốt gươm chém án ngâm thiên ca rằng

.

Rồi thôi, người ta không hề thấy ông
đả động gì đến những hoạt động anh
hùng của ông một lần nào nữa. Tại sao
lại có sự im lặng đáng lạ lùng đó ? Tác

phẩm này viết ra năm 1804, tức là năm Gia Long lên ngôi đã ba năm rồi, nhà Tây Sơn đã hoàn toàn bị tiêu diệt, và toàn bộ đất Bắc hà đã hoàn toàn bình định, thì công cuộc Cần Lê kháng Tây-Sơn đã trở thành chuyện cũ, tưởng không còn phải e sợ gì nhà đương cuộc mà không tiện nói ra. Hơn nữa, Vua Gia Long vốn là người khôn khéo, muốn mua chuộc — và trong thâm tâm nhà vua chắc cũng có phần nào kính nể những cựu thần nhà Lê, nhất là những người đã từng chống đối kẻ thù chung trước đó là Tây Sơn, thì không có lý do gì mà ông còn phải giấu giếm. Xét toàn bộ thi văn tập của ông tiết nào về cuộc đời hoạt động của ông. Chỉ còn có một cách cũng không hề thấy ông ký thác tâm sự hoặc ghi chép lại chi tiết nào về cuộc đời hoạt động của ông. Chỉ còn một cách giải thích : ông đã xem công cuộc khôi phục cựu triều,

mưu đồ sự nghiệp như là một giấc mộng không hơn không kém, một giấc mộng đã qua hẵn rồi, không cần phải nhắc đến nữa. Điều này càng chứng tỏ phẩm chất thanh cao của ông. Vì vậy “Sơ Kính Tân Trang” chỉ còn là một câu chuyện tình ghi lại mối duyên giai ngộ giữa ông và Trương Quỳnh Như, và do đó từ ngữ thuyết hóa ở đây chỉ có nghĩa là ước lệ hóa cho phù hợp với truyền thống viết truyện của người xưa : truyện phải có đầu có đuôi theo những công thức đã có sẵn.

Người ta có thể rất dễ dàng nhận diện Phạm Thái qua nhân vật Phạm Kim, và Trương Quỳnh Như trong vai Quỳnh Thư : Phạm Thái là con Trạch Trung Hầu, người đã từng khởi nghĩa phục Lê và đã thất bại. Quê hương của ông là xã Yên Thường, huyện Đông Ngạc, phủ Từ

Sơn, tỉnh Bắc Ninh, còn Trương Quỳnh Như là con Kiến Xuyên Hầu Trương Đăng Quĩ, em Thanh Xuyên Hầu Trương Đăng Thụ, quê ở xã Thanh Nê, huyện Ý Yên, phủ Kiến Xương, tỉnh Nam Định³. Giới thiệu hai gia đình ở đầu truyện, tác giả viết :

BẮC NAM đôi ngả đôi nhà

Nền trâm hốt, nếp hào hoa đôi thường

Kinh luân thao lược hai đường

Đình Từ chở sáng, bể XƯƠNG góp tài

Không cần nói, ai cũng, biết Bắc là

3 Vào cuối thế kỷ XVIII, các trấn (hoặc xứ, tức tỉnh bây giờ), ở bốn bên của kinh đô Thăng Long là : Sơn Tây, Hải Đông, Kinh Bắc và Sơn Nam. Ngày nay chỉ có Sơn Tây còn giữ tên cũ, Hải Đông đã trở nên Hải Dương, Kinh bắc nay đổi là Bắc Ninh ; riêng Sơn Nam thì đời Lê Mạt chia làm hai trấn : Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ. Trương Quỳnh Như ở Sơn Nam Hạ, tức là Nam Định ngày nay. (Xem “Phương Đình Du Địa Chí”, bản dịch Ngô Mạnh Nghinh, Cơ sở Báo chí và Xuất bản Tự Do, Sài Gòn, 1960, tr 222).

tỉnh Bắc Ninh, Nam là tỉnh Nam Định, đỉnh Từ là đỉnh núi ở phủ Từ Sơn, bể Xương là bể ở phủ Kiến Xương.

Trong bài “Đề núi Dục Thúy” của Trương Quỳnh Như chúng ta cũng thấy nàng nói đến hai họ Trương, Phạm :

Mây trôi phảng phất hồn Lê, Trịnh

Đá khắc mờ mờ dấu Phạm, Trương⁴

Những quang cảnh mà Phạm Kim đã trông thấy trong bước đường của chàng cũng là những quang cảnh mà chính tác giả đã trải qua trong những năm giang hồ lưu lạc trên khắp các vùng miền Bắc Việt. Những cảnh tượng sống động cũng như những khung cảnh thiên nhiên ghi chép lại có một vẻ chân xác khác thường,

⁴ Phạm là Phạm Tử Hư, đạo sĩ đời Hậu Lê, đã từng du ngoạn ở đây (theo “Truyện Kỳ Mạn Lục” của Nguyễn Dữ) ; Trương là Trương Hán Siêu, danh sĩ đời Trần, tác giả bài “Linh Tế Tháp Ký” trên núi Dục Thúy.

không thể là sản phẩm đơn thuần của trí tưởng tượng mà phải là những sự kiện mắt thấy tai chính tác giả. Những bài thơ xướng họa của Phạm Kim và Quỳnh Thư cùng những bài theo thể “Tây giang nguyệt” mà hai người trao đổi cho nhau có lẽ đã là những sự kiện có thực giữa đôi uyên ương thi sĩ này. Sự chân thành trong niềm cảm xúc và nỗi tha thiết trong những lời thơ đã thừa đủ để chứng tỏ điều đó.

Gạt bỏ những sự việc cần phải thêm vào cho câu truyện trở nên có hậu như Quỳnh Thư hiện về chữa bệnh cho Phạm Kim, đầu thai làm Thụy Châu để hoàn tất mối duyên tiền ước v.v... người ta chỉ còn chú ý đến những chi tiết của cuộc ép duyên. Trong “Sơ Kinh Tân Trang”, tác giả đã cho nguyên nhân của mối duyên ngang trái đưa đến sự tự vẫn

của Quỳnh Thư là sự cưỡng hôn bức hiếp của một viên quan Đô đốc xứ Đảng Trong. Có lẽ tác giả đã thuận tay mà đổ lên đầu một quyền thần quân phiệt nhà Tây Sơn cái tội lỗi hung ác đó cho đã nư cơn giận, chứ thật ra thì cuộc ép duyên này chỉ là do mẫu thân của Quỳnh Như chủ trương trước sự cầu thân khá ăn cần của một công tử con nhà giàu có⁵.

Tóm lại, về mặt hình thức, “Sơ Kính Tân Trang” là một hồi ký, là một tự truyện được tiểu thuyết hóa, nhưng xét trong nội dung, đó là một bản tình ca than khóc cho một mối tình đẹp để nhưng ngang trái, một bài thơ trường thiên bi thảm giải tỏ tâm sự náo nùng của một đôi uyên ương thi sĩ trước

5 Trong “Tiêu sơn Tráng sĩ”, Khái Hưng cho rằng người cầu hôn Trương Quỳnh Như là Trịnh Nhị, con một viên phán tri đã qua đời, “nhà giàu nhất vùng Kiến Xương, Ý Yên mà ai ai cũng gọi là Thạch Sùng đời nay”. (“Tiêu Sơn Tráng sĩ”, Văn Nghệ, Sài-gòn, 1968, tr 282).

một mối tình tuyệt vọng kết thúc bằng cảnh kẻ mất người còn. Bản tình ca đó, khúc sâu ngâm đó, lại được đặt trong một bối cảnh lịch sử là những năm cuối cùng của triều đại Cảnh Thịnh đời Tây Sơn, trong một xã hội Nho giáo suy tàn, nặng nề khí vị lánh đời, trên những cảnh trí đất nước cổ sơ mà hiện thực. “Sơ Kính Tân Trang”, do đó, vừa là một giá trị lịch sử sống động, vừa có một giá trị nhân văn khác thường.

IV.– Phạm Thái con người đa dạng trong một thời kỳ lịch sử và văn học sử trứ danh.

Phạm Thái là một bộ diện đặc biệt trong văn học cuối Lê đầu Nguyễn. Ông đã sống đầy đủ các khía cạnh khác nhau trong tâm trạng một thanh niên thời loạn

của xã hội phong kiến thuở xưa : cũng ôm giấc mộng lớn của thời đại, cũng say mê giang hồ và tình ái để rồi cuối cùng cũng tiêu sấu trong men rượu. Ông đã sống một cuộc đời thi vị và hùng vĩ cũng như ông đã sống chán mửa với cuộc đời. Phạm Thái là một chứng nhân điển hình cho một thế hệ khác thường của một thời đại đặc biệt.

Thêm vào những nét đặc trưng đó của một lớp người, trong một giai đoạn lịch sử, Phạm Thái còn là một giá trị độc đáo trong văn chương : cá tính của ông tỏ rõ trong nét phóng túng của ngòi bút, trong sự ly khai khỏi những khuôn khổ cố hữu của lối hành văn xưa, với sự bất chấp kỹ thuật, cũng như sắc thái tả chân, hoạt kê xã hội và dân tộc nó làm cho ông xa lìa các nhà văn cổ điển quý tộc như Nguyễn Gia Thiều, Bà Huyện Thanh

Quan... để đưa ông lại gần một tác giả lành mạnh mang nhiều sinh lực nhất của dân tộc : Hồ Xuân Hương

Phạm Thái là một tác giả tên tuổi của một thời kỳ văn học quan trọng. Khác hơn vai trò nhân tố mang chở thụ động của nhân vật Chinh Phu ra đời nửa thế kỷ trước, ông đã là một chứng nhân sống động và có ý thức của một trào lưu văn học mới mẻ phản ánh những xao trộn xã hội và tự vấn về những giá trị cổ truyền. Ông vừa làm chứng cho lịch sử vừa làm lịch sử : trên cương vị nhà văn, ông ghi chép những diễn biến tâm tư con người thời đại, và trên cương vị làm người, ông tích cực tham dự vào những hoạt động của thế hệ ông. Phạm Thái vừa là một giá trị văn học vừa là một giá trị nhân văn lớn.

NGUYỄN VĂN XUNG

